

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Xuân H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Nhà T, đường N, Tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Nhà T, đường X, Tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Ngô Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 25/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Trong quá

trình chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã vì không phù hợp quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và mâu thuẫn về tài chính, tiền bạc. Do vậy, vào khoảng tháng 6/2022 cho đến nay, ông H và bà M không còn chung sống với nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà M.

+ *Về con chung*: Có hai con chung tên Ngô Thị Q, sinh ngày 11/11/2018 và Ngô Thị K, sinh ngày 16/8/2020. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Thị Q và Ngô Thị K. Không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị M có đăng ký địa chỉ thường trú tại Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An và có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Nhà T, đường X, tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ngày 26/5/2022 đến tháng 3 năm 2024 thì không còn sinh sống tại địa phương (đã chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng không thông báo với địa phương, hiện không rõ đi đâu làm gì).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Xuân H, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Ngô Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

+ Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Q, sinh ngày 11/11/2018 và Ngô Thị K, sinh ngày 16/8/2020. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Thị Q và Ngô Thị K. Không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Bà M không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H, do đó, bà M đã tự từ bỏ quyền lợi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

+ Về cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Vấn đề tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị M: Theo Kết quả xác minh của Công an phường V, bà Nguyễn Thị M có đăng ký địa chỉ thường trú tại Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An và có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Nhà T, đường X, tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ngày 26/5/2022 đến tháng 3 năm 2024 thì không còn sinh sống tại địa phương (đã chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng không thông báo với địa phương, hiện không rõ đi đâu làm gì). Theo Văn bản số 41/CAX ngày 10/5/2024 của Công an xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Thị M không có mặt tại địa phương do đi làm ăn xa, nơi đăng ký tạm trú tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do không xác định được địa chỉ nơi sinh sống của bà Nguyễn Thị M, Tòa án đã thông báo đăng thông tin về thời gian giải quyết vụ án trên B vào các ngày 17/4/2024, 18/4/2024, 19/4/2024, trên Đ vào khung giờ từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ 00 phút và từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ 00 phút vào các ngày 25/4/2024, 26/4/2024, 27/4/2024 và đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử - Tòa án nhân dân Tối cao. Tại thời điểm xét xử vụ án, bà Nguyễn Thị M vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Xuân H và bà Nguyễn Thị M chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 25/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông H yêu cầu ly hôn với bà M do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Bà M đã được triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng ông H và bà M không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu ly hôn với bà M là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Q, sinh ngày 11/11/2018 và Ngô Thị K, sinh ngày 16/8/2020. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Thị Q và Ngô Thị K. Không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Bà M không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H, do đó, bà M đã tự từ bỏ quyền lợi của mình. Xét

thấy, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con của ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Xuân H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng (Chi phí đăng báo): Ông Ngô Xuân H phải chịu 3.739.294 (Ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi bốn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Xuân H về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

1.1. Ông Ngô Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

1.2. Về con chung:

- Giao hai con chung tên Ngô Thị Q, sinh ngày 11/11/2018 và Ngô Thị K, sinh ngày 16/8/2020 cho ông Ngô Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Xuân H không yêu cầu bà Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Xuân H và bà Nguyễn Thị M đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ngô Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001978 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Ngô Xuân H không phải nộp thêm.

3. Về chi phí tố tụng (Chi phí đăng báo): Ông Ngô Xuân H phải chịu 3.739.294 (Ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi bốn) đồng (Đã khấu trừ xong).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Tân Uyên (01);
- THADS thành phố Tân Uyên (01);
- UBND xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc